

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 12

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Kết quả của phép chia $63 : 3$ là:

- A. 24 B. 21 C. 189 D. 66

Phương pháp

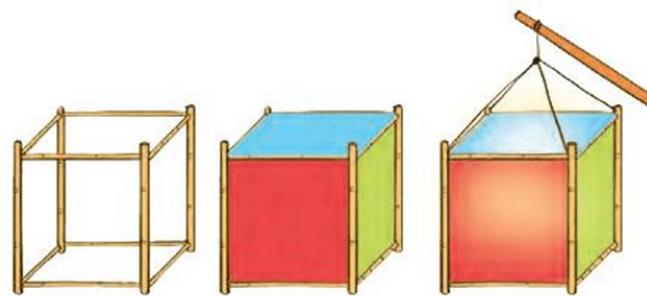
Thực hiện đặt tính chia để tìm kết quả.

Lời giải

Kết quả của phép chia $63 : 3$ là 21

Chọn B

Câu 2. Anh Nam làm những chiếc đèn lồng có dạng khối lập phương. Mỗi mặt dán một tờ giấy màu. Một chiếc đèn lồng như vậy cần dùng số tờ giấy màu là:



- A. 3 B. 5 C. 6 D. 8

Phương pháp

Mỗi khối lập phương có 6 mặt

Lời giải

Mỗi khối lập phương có 6 mặt nên một chiếc đèn lồng như vậy cần dùng 6 tờ giấy màu.

Chọn C

Câu 3. Hình vẽ nào dưới đây chia miếng bánh thành 5 phần bằng nhau?



Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để chọn đáp án thích hợp

Lời giải

Hình 4 chia miếng bánh thành 5 phần bằng nhau.

Chọn D

Câu 4. Dầu thích hợp để điền vào chỗ trống $500 \text{ ml} + 400 \text{ ml} \dots 1 \text{ l}$ là:

- A. > B. < C. = D. +

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1 \text{ l} = 1000 \text{ ml}$

Lời giải

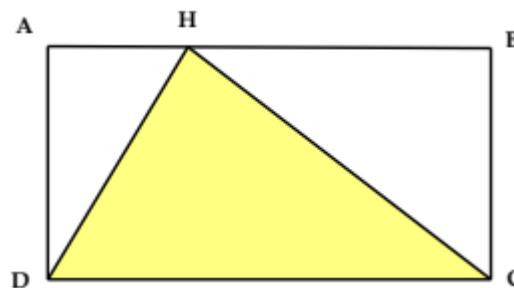
Ta có $500 \text{ ml} + 400 \text{ ml} = 900 \text{ ml}$

Đổi: $1 \text{ l} = 1000 \text{ ml}$

Vậy $500 \text{ ml} + 400 \text{ ml} < 1 \text{ l}$

Chọn B

Câu 5. Hình dưới đây có mấy hình tam giác?



- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để chọn đáp án thích hợp

Lời giải

Hình đã cho có 3 hình tam giác.

Chọn C

Câu 6. Có 65m vải, may một bộ quần áo hết 3m. Hỏi may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

- A. 20 bộ quần áo, thừa 5 m vải B. 21 bộ quần áo, thừa 2 m vải
C. 22 bộ quần áo, thừa 1 m vải D. 21 bộ quần áo, thừa 1 m vải

Phương pháp

Thực hiện phép chia $65 : 3$ rồi chọn đáp án thích hợp

Lời giải

Ta có $65 : 3 = 21$ (dư 2)

Vậy may được nhiều nhất 21 bộ quần áo và còn thừa 2 mét vải.

Chọn B

II. TỰ LUẬN

Câu 7. Đặt tính rồi tính.

$$342 \times 2$$

$$146 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Thực hiện nhân lần lượt từ phải sang trái, chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 342 \\ \times \quad 2 \\ \hline 684 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 146 \\ \hline 26 \end{array} \left| \begin{array}{r} 3 \\ 48 \\ \hline 2 \end{array} \right.$$

Câu 8. Tính giá trị biểu thức:

$$348 + 84 : 6$$

$$32 + 8 - 18$$

Phương pháp

- Với biểu thức có chứa phép tính cộng, trừ, nhân, chia, ta thực hiện phép tính nhân, chia trước; thực hiện phép tính cộng, trừ sau.
- Với biểu thức chỉ chứa phép tính cộng, trừ, ta thực hiện từ trái sang phải.

Lời giải

$$\text{a)} 348 + 84 : 6 = 348 + 14$$

$$= 362$$

$$\text{b)} 32 + 8 - 18 = 40 - 18$$

$$= 22$$

Câu 9. Tìm x biết:

$$\text{a)} x : 7 = 63 + 46$$

$$\text{b)} x - 192 = 90 + 709$$

Phương pháp

- Tính giá trị về phải
- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ

Lời giải

$$\text{a)} x : 7 = 63 + 46$$

$$x : 7 = 109$$

$$x = 109 \times 7$$

$$x = 763$$

$$\text{b)} x - 192 = 90 + 709$$

$$x - 192 = 799$$

$$x = 799 + 192$$

$$x = 991$$

Câu 10. Có hai xe ô tô chở đoàn khách đi thăm quan viện bảo tàng. Xe thứ nhất chở 16 người. Xe thứ hai chở số người gấp đôi xe thứ nhất. Hỏi cả hai xe chở được tất cả bao nhiêu người?

Phương pháp

- Tìm số người xe thứ hai chở = Số người xe thứ nhất chở × 2
- Tìm số người cả 2 xe chở

Lời giải

Xe thứ hai chở số người là:

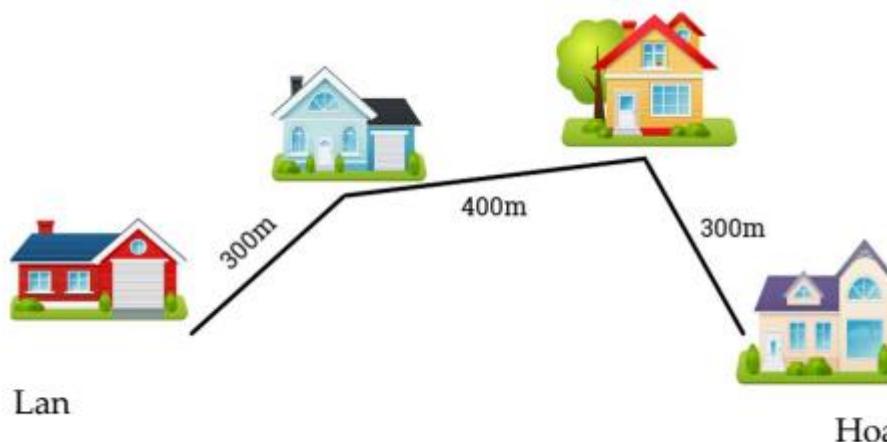
$$16 \times 2 = 32 \text{ (người)}$$

Cả hai xe chở được tất cả số người là:

$$16 + 32 = 48 \text{ (người)}$$

Đáp số: 48 người

Câu 11. Tính quãng đường mà Lan đã đi từ nhà đến nhà Hoa theo đường gấp khúc dưới đây:



Phương pháp

Độ dài quãng đường = tổng độ dài các đoạn thẳng trên đường gấp khúc

Lời giải

Quãng đường mà Lan đã đi từ nhà đến nhà Hoa là:

$$300 + 400 + 300 = 1\,000 \text{ (m)}$$

Đáp số: 1 000 m